

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

06/06/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

Rating	VNI	HNI	UPCoM
Điểm	1,034.5	120.4	53.8
% ngày	1.15	1.89	0.33
% tuần	9.07	7.81	2.99
% tháng	0.75	-1.76	-4.16
% năm	37.69	25.77	-7.51
GTGD (Triệu đồng)			
Trong ngày	4,808.57	692.23	233.48
Hôm qua	4,436.49	746.06	159.40
TB 1 tháng	3,867.52	622.69	179.82
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	592.08	16.24	9.86
Bán	620.13	18.18	8.39
Giá trị ròng	(28.05)	(1.94)	1.47
Độ rộng TT			
Mã Tăng	160	83	74
Mã Giảm	123	86	69
Không Đổi	70	215	591
Chỉ số chính			
P/E	19.4x	13.3x	11.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,222	219	856
LS Cổ tức	1.71	2.59	3.77

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Hôm nay khi sắc xanh tiếp tục lan rộng trên toàn thị trường vào cuối phiên giao dịch. Trên sàn HSX đã có liên tục 05 phiên tăng điểm mặc dù khối ngoại vẫn thực hiện bán ròng, điều này cho thấy sự tăng trưởng của thị trường đang nhờ tác động lớn của nguồn vốn nội. Các nhà đầu tư đang dần bình tĩnh lại sau đợt điều chỉnh mạnh và cân nhắc đến việc tìm kiếm các doanh nghiệp vẫn đang tăng trưởng.

Chỉ số VNINDEX tăng 1.15% lên mức 1,034.5 điểm với mức thanh khoản cao trong phiên giao dịch. Còn chỉ số HNXINDEX chốt tại mức 120.4 điểm (+1.89%). Đối với chỉ số UPCOMINDEX đóng cửa tại 53.8 điểm tăng 0.33%. Sự tăng điểm trên thị trường HSX là sự đóng góp lớn của các mã GAS, VIC, VHM, BID, HPG,...

Tiếp theo đà tăng trưởng của những phiên trước, sự tăng điểm đang lan rộng sang các nhóm ngành trụ cột như ngành bất động sản (NLG, KDH), nhóm chứng khoán (HCM, VND, SSI), dòng thủy sản (VHC, IDI, ANV) và đặc biệt là nhóm dệt may bất ngờ có phiên giao dịch sôi động khi TCM, EVE đóng cửa ở mức giá trần, TNG cũng tăng hơn 7%. Từ lúc niêm yết trên sàn HSX đến hôm nay, TCB lại tiếp tục giảm điểm xuống mức 92.000đ/cp, giá của cổ phiếu TCB đã giảm 28% so với giá chào sàn.

Hiện nay khối ngoại vẫn duy trì tình trạng bán ròng ở các mã VIC (122 tỷ), MSN (33 tỷ), HPG (16 tỷ), GMD (10 tỷ),... nâng tổng bán ròng hơn 28 tỷ trên sàn HSX và gần 2 tỷ trên sàn HNX.

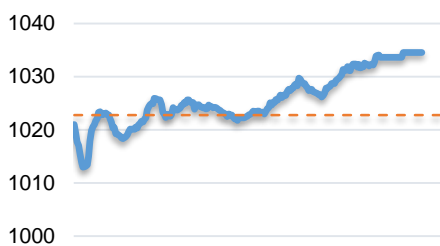
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn xuất hiện nhịp rung lắc trong phiên và duy trì đà tăng trong phiên kế tiếp. Điểm tích cực là dòng tiền có xu hướng dịch chuyển vào nhóm cổ phiếu Midcaps và nhiều cổ phiếu ở nhóm cổ phiếu đang rơi vào trạng thái biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho nên chỉ số VNMidcaps có thể sẽ duy trì đà tăng trong vài phiên tới. Đồng thời, áp lực bán ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục gia tăng và khiến thị trường liên tục rung lắc, nhưng rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp.

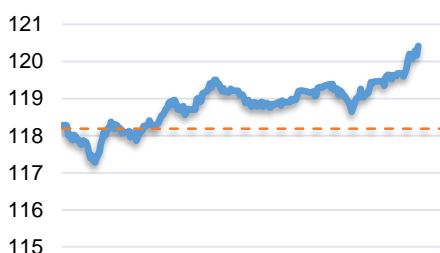
Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và năng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 966.28 điểm của chỉ số VN-Index và 110.65 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị: 63% cổ phiếu/37% tiền mặt.

VNINDEX



HNX INDEX





We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,070.0	1,026.6	975.0	894.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	138.5	127.0	115.5	103.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	23.00	TĂNG	TĂNG	20.40	20.66	12.75%			22.42		
ACB	43.30	TĂNG	GIẢM	42.00	37.30	3.10%			49.70		
BFC	30.40	GIẢM	GIẢM		31.00				34.31		
BHN	110.70	TĂNG	GIẢM	114.00	95.78	-2.89%			132.78		
BID	31.80	TĂNG	GIẢM	30.50	26.59	4.26%			38.64		
BMP	64.00	TĂNG	TĂNG	56.10	57.95	14.08%			63.44		
BSR	19.80	GIẢM	TĂNG		20.69						
BVH	95.10	TĂNG	GIẢM	94.90	85.01	0.21%			109.19		
BWE	18.50	GIẢM	GIẢM		20.77				23.94		
CEO	17.10	GIẢM	GIẢM		17.87				17.99		
CHP	25.60	TĂNG	GIẢM	24.65	24.85	3.85%			26.29		
CSM	14.65	TĂNG	TĂNG	13.55	14.17	8.12%		14.80	12.01	-1.01%	
CTD	164.00	TĂNG	TĂNG	138.00	137.73	18.84%			160.75		
CTG	28.95	TĂNG	GIẢM	28.40	25.45	1.94%			34.25		
CTI	28.90	GIẢM	GIẢM		31.90				36.25		
CVT	30.55	GIẢM	GIẢM		31.23				35.90		
DGW	29.00	TĂNG	TĂNG	27.15	25.97	6.81%		16.40	23.82	76.83%	
DHA	28.00	GIẢM	GIẢM		28.57				31.41		
DHC	41.80	GIẢM	GIẢM		45.08				46.93		
DHG	110.00	TĂNG	TĂNG	109.00	104.11	0.92%		115.00	96.90	-4.35%	
DPG	52.50	GIẢM	GIẢM		56.89				62.82		
DPM	17.95	TĂNG	GIẢM	18.10	16.59	-0.83%			21.14		
DPR	40.15	TĂNG	GIẢM	40.70	38.98	-1.35%			42.17		
DQC	33.30	GIẢM	GIẢM		34.61				37.41		
DRC	22.40	TĂNG	GIẢM	22.40	21.56	0.00%	MUA		25.36		
DXG	33.90	TĂNG	TĂNG	30.75	29.95	10.24%			33.26		
ELC	10.30	GIẢM	GIẢM		10.72				12.59		
FCN	16.20	TĂNG	GIẢM	15.40	14.09	5.19%			18.98		
FIT	5.48	TĂNG	GIẢM	5.56	4.97	-1.44%			6.79		
FMC	22.75	TĂNG	GIẢM	21.95	20.34	3.64%			26.16		
FPT	48.50	GIẢM	GIẢM		49.38				54.45		
GAS	102.90	GIẢM	GIẢM		104.42				124.57		
GIL	42.60	TĂNG	TĂNG	44.00	39.63	-3.18%		34.90	40.98	22.06%	
GMD	29.40	TĂNG	GIẢM	27.35	25.39	7.50%			31.17		
GTN	10.55	TĂNG	GIẢM	10.55	10.06	0.00%	MUA		12.52		
HAG	4.66	GIẢM	GIẢM		4.85				6.17		
HAX	16.50	TĂNG	GIẢM	16.50	14.43	0.00%			20.04		
HBC	27.05	TĂNG	GIẢM	25.40	24.51	6.50%			30.98		

We Create Fortune

HDB	43.20	TĂNG	GIẢM	39.00	39.23	10.77%			46.20		
HNG	8.60	TĂNG	TĂNG	8.36	7.90	2.87%		8.20	7.24	4.88%	
HPG	60.80	TĂNG	TĂNG	56.10	55.13	8.38%			60.57		
HSG	12.75	TĂNG	GIẢM	11.30	11.38	12.83%			14.82		
HT1	12.10	GIẢM	GIẢM		12.94				14.80		
HUT	7.00	TĂNG	GIẢM	6.80	5.69	2.94%			8.73		
HVN	33.10	TĂNG	GIẢM	33.10	27.72	0.00%			47.23		
ITD	13.10	TĂNG	TĂNG	11.30	12.24	15.93%		12.40	12.18	5.65%	MUA
KBC	12.70	GIẢM	GIẢM		13.10				14.79		
KDH	33.65	GIẢM	GIẢM		34.17				39.47		
KSB	37.30	TĂNG	GIẢM	37.30	36.28	0.00%	MUA		41.09		
LCG	9.80	GIẢM	TĂNG		9.92			11.10	9.54	-11.71%	
LIX	41.50	GIẢM	GIẢM		44.28				48.22		
LPB	12.80	GIẢM	GIẢM		13.03				17.46		
LSS	8.22	GIẢM	GIẢM		8.99				10.06		
MSN	85.50	GIẢM	GIẢM		88.22				106.66		
MWG	118.50	TĂNG	TĂNG	118.50	112.43	0.00%	MUA		115.64		
NKG	24.90	TĂNG	GIẢM	22.25	21.67	11.91%			26.94		
NLG	31.90	TĂNG	GIẢM	33.75	26.76	-5.48%			38.47		
NT2	29.80	TĂNG	GIẢM	29.80	28.79	0.00%	MUA		31.96		
NTL	10.00	TĂNG	TĂNG	9.78	9.36	2.25%		10.45	8.94	-4.31%	
NTP	51.20	TĂNG	GIẢM	53.00	49.75	-3.40%			58.97		
PAC	43.70	TĂNG	GIẢM	42.50	38.64	2.82%			46.40		
PC1	30.00	GIẢM	GIẢM		30.81				35.82		
PDR	32.30	TĂNG	GIẢM	32.30	30.91	0.00%	MUA		34.14		
PGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.32				15.75		
PHR	46.00	TĂNG	GIẢM	43.70	40.81	5.26%			47.47		
PLC	18.80	TĂNG	GIẢM	19.60	18.08	-4.08%			21.76		
PLX	67.20	TĂNG	GIẢM	65.60	58.30	2.44%			79.68		
PNJ	184.90	TĂNG	GIẢM	179.00	162.99	3.30%			196.38		
POW	14.20	GIẢM	TĂNG		14.94						
PPC	17.90	GIẢM	GIẢM		18.14				19.54		
PTB	98.50	TĂNG	GIẢM	98.50	97.24	0.00%	MUA		107.02		
PVD	15.20	TĂNG	GIẢM	15.20	14.95	0.00%	MUA		20.34		
PVI	33.80	TĂNG	GIẢM	33.80	33.71	0.00%	MUA		38.03		
PVS	18.10	GIẢM	GIẢM		18.45				23.08		
PXS	5.70	GIẢM	GIẢM		6.03				7.81		
RAL	103.70	GIẢM	GIẢM		114.81				134.70		
REE	34.95	TĂNG	GIẢM	33.90	31.80	3.10%			39.36		
SAB	247.00	TĂNG	TĂNG	247.60	223.97	-0.24%		252.40	206.97	-2.14%	
SAM	7.23	GIẢM	GIẢM		7.55				8.39		
SBV	30.45	GIẢM	GIẢM		30.66				32.75		
SCR	9.59	GIẢM	GIẢM		9.61				11.83		



We Create Fortune

SHI	6.62	TĂNG	TĂNG	6.83	6.45	-3.07%		6.99	5.88	-5.29%	
SJS	22.20	GIẢM	GIẢM		23.66				27.04		
SKG	28.40	TĂNG	TĂNG	26.60	26.12	6.77%			28.28		
SSI	33.90	TĂNG	GIẢM	32.00	29.89	5.94%			38.48		
STB	13.30	TĂNG	GIẢM	12.55	11.83	5.98%			14.71		
SVC	46.55	GIẢM	GIẢM	47.90	47.10	-1.67%	BÁN		51.89		
TCM	21.70	TĂNG	GIẢM	21.70	20.60	0.00%	MUA		22.70		
TDH	15.75	TĂNG	GIẢM	15.50	14.59	1.61%			16.90		
TLH	10.10	TĂNG	GIẢM	9.92	9.20	1.81%			11.42		
TMT	8.93	GIẢM	TĂNG		9.61			10.55	8.66	-15.36%	
TNG	13.50	TĂNG	GIẢM	13.50	13.06	0.00%	MUA		15.24		
TYA	16.00	TĂNG	GIẢM	15.95	14.86	0.31%			16.97		
VCB	59.10	TĂNG	GIẢM	54.10	53.14	9.24%			65.04		
VFG	49.75	TĂNG	TĂNG	37.10	46.05	34.10%		46.10	41.55	7.92%	
VGC	24.70	TĂNG	GIẢM	23.10	21.85	6.93%			27.09		
VIB	30.40	GIẢM	GIẢM		30.62				34.84		
VIC	124.10	TĂNG	GIẢM	116.00	109.15	6.98%			132.50		
VIP	7.05	GIẢM	TĂNG		7.28			6.71	6.82	5.00%	
VJC	174.60	TĂNG	GIẢM	170.30	155.05	2.52%			207.23		
VKC	6.90	TĂNG	TĂNG	6.20	6.30	11.29%		6.80	5.29	1.47%	
VNM	175.00	TĂNG	GIẢM	175.00	166.71	0.00%			187.18		
VPB	49.45	TĂNG	GIẢM	46.00	44.73	7.50%			55.82		
VRC	16.15	GIẢM	GIẢM		17.33				20.17		
VRE	45.30	TĂNG	GIẢM	45.45	41.75	-0.33%			52.78		
VSC	34.60	TĂNG	GIẢM	32.60	29.80	6.13%			36.80		
VSH	16.85	GIẢM	TĂNG		17.11			17.40	16.36	-3.16%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,034.50	1.15
VN30	1,022.72	1.53
VN Mid	1,060.02	1.61
VN Small	852.97	0.36

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	592.08	
Bán	620.13	
GT ròng	(28.05)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GTN	690	7.0%
TDC	630	7.0%
VND	1,450	6.9%
QCG	620	6.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAR	(460)	-6.9%
SJF	(1,400)	-6.6%
DHG	(5,000)	-4.3%
TCB	(4,000)	-4.2%
AMD	(160)	-4.1%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	327,340	
VHM	321,553	
VNM	253,968	
VCB	212,628	
GAS	196,945	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	8.48	5.33
MBB	7.35	4.99
KSA	6.10	0.56
HPG	6.06	4.31
CTG	5.46	5.84

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	120.42	1.89
HN30	219.91	2.25
VNX AllSh	1,450.69	1.35

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	16.24	
Bán	18.18	
GT ròng	(1.94)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	8,000	8.2%
TNG	900	7.1%
CEO	1,100	6.9%
MBS	800	4.8%
TV2	4,800	4.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTB	(300)	-1.6%
VC3	(200)	-1.0%
PVS	(100)	-0.5%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	46,958	
VCS	16,800	
SHB	11,670	
VGC	11,119	
VCG	8,304	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	12.65	13.09
ACB	5.66	4.41
CEO	2.97	2.26
PVS	2.44	4.87
DST	2.34	3.20

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.78	0.33

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	9.86	
Bán	8.39	
GT ròng	1.47	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTC	7,000	10.9%
SCS	7,900	4.9%
SDI	2,400	3.8%
OIL	300	1.7%
LPB	200	1.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BCM	(2,300)	-9.9%
SSN	(800)	-4.8%
ACV	(2,400)	-2.7%
VGT	(100)	-0.8%
POW	(100)	-0.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	191,805	
BSR	61,390	
MCH	51,200	
HVN	41,319	
GVR	33,600	

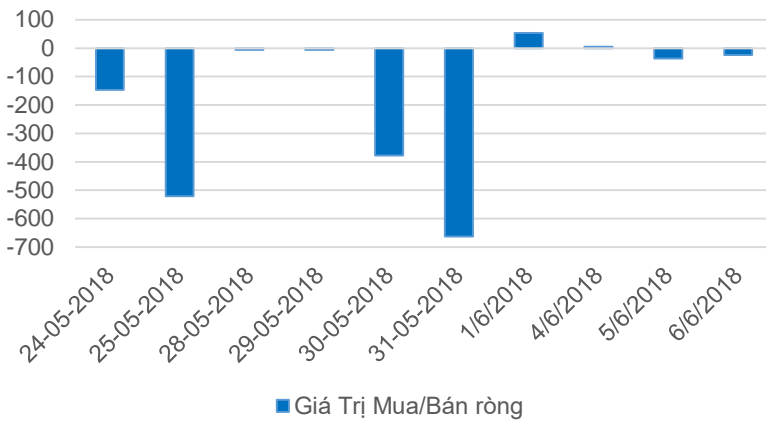
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
LPB	1.85	2.34
POW	1.19	1.62
BSR	0.87	1.22
PXL	0.49	0.10
OIL	0.46	0.90

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

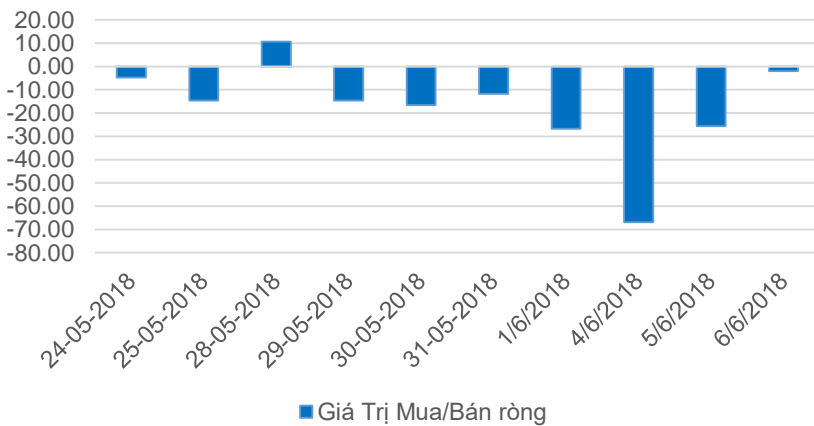
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DHG	64,917	VIC	(121,682)
SSI	18,226	MSN	(32,860)
VHC	17,833	HPG	(15,509)
VCB	17,459	GMD	(9,721)
CTD	17,021	HDB	(8,441)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

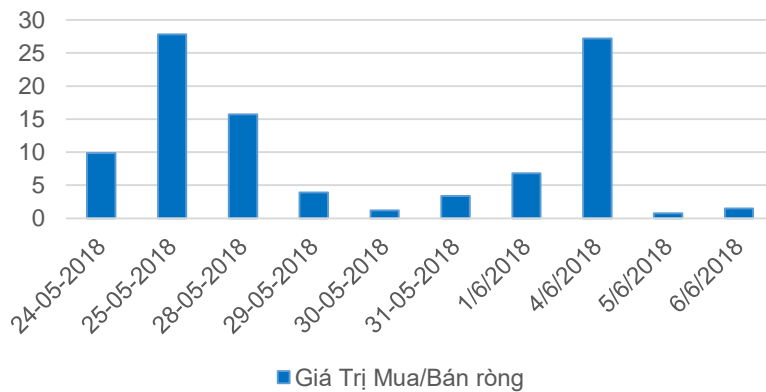
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
CEO	5,170	PVS	(2,364)
HUT	947	PLC	(1,969)
VGC	377	CSC	(1,328)
TTZ	338	DBC	(1,085)
PVX	161	VNT	(536)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCoM



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HVN	2,752	POW	(3,944)
BCM	1,498	VGT	(766)
SCS	1,303	ACV	(387)
VCW	507	BSR	(158)
MCH	249	SAS	(28)

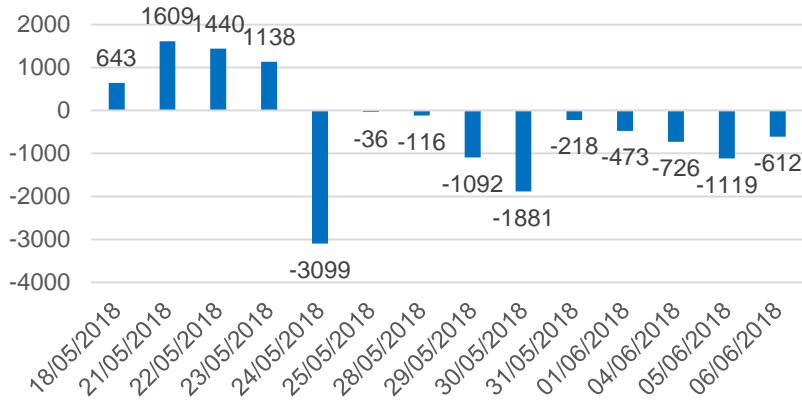
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

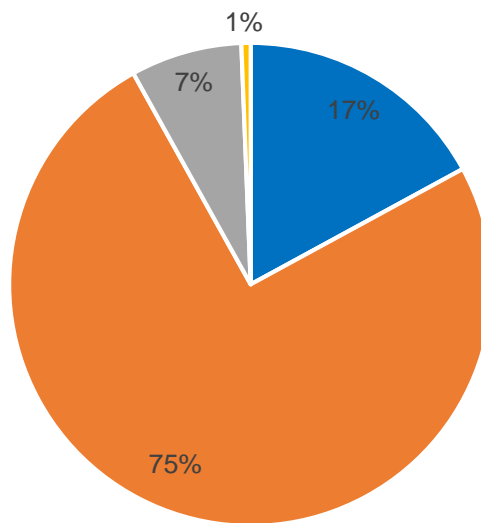


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
ROS	20,475	HPG	55,642
CII	12,526	ROS	20,181
VIC	6,052	VIC	11,837
E1VFN30	3,007	NVL	7,808
MBB	2,739	MSN	3,978

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



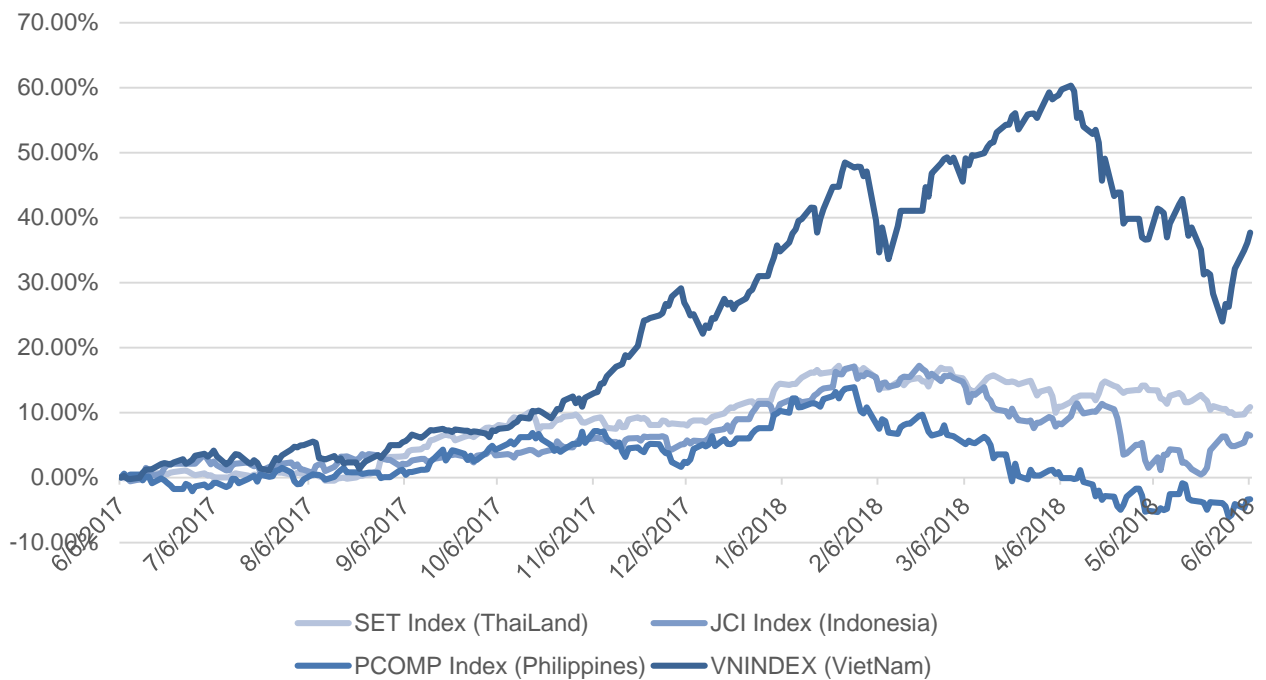
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

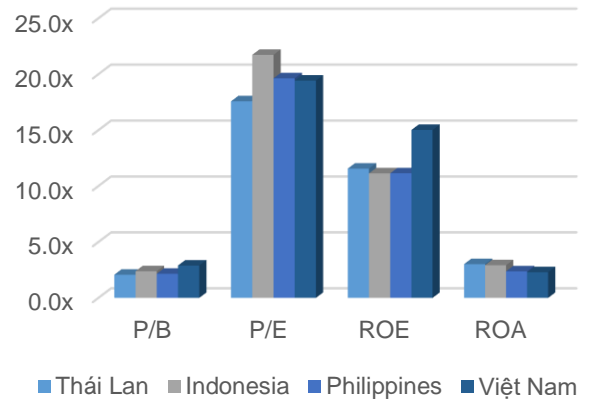
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.4x	2.2x	2.9x
P/E		17.6x	21.7x	19.6x	19.4x
ROE	%	11.56	11.14	11.14	15.02
ROA	%	3.02	2.92	2.37	2.30
Vốn hóa	Tỷ USD	546.74	493.92	182.33	141.26
GTGD	Triệu USD	1.96	0.59	0.07	0.21
LS cổ tức	%	2.95	2.21	1.62	1.71

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written